

# TỔNG HỢP CÁC LỆNH THƯỜNG DÙNG TRÊN UBUNTU

## I. Các lệnh quản lí tập tin:

### 1. Tạo tập tin và thư mục:

<b>cp</b> <i>file1 file2</i>	chép tập tin file1 sang file2
<b>cp</b> <i>file /folder</i>	chép tập tin file vào thư mục folder
<b>cp -r</b> <i>folder1 folder2</i>	chép toàn bộ nội dung của thư mục folder1 vào folder2
<b>rsync -a</b> <i>folder1 folder2</i>	đồng bộ nội dung thư mục « folder1 » sang thư mục « folder2 »
<b>mv</b> <i>file1 file2</i>	chuyển tên tập tin file1 thành tên file2
<b>mv</b> <i>folder1 folder2</i>	chuyển tên thư mục folder1 thành folder2
<b>mv</b> <i>file folder</i>	chuyển tập tin file vào thư mục folder
<b>mv</b> <i>file1 folder2/file2</i>	chuyển file1 vào thư mục thư mục folder2 đồng thời đổi tên tập tin thành file2
<b>mkdir</b> <i>folder</i>	tạo ra thư mục folder
<b>mkdir -p</b> <i>folder1/folder2</i>	tạo ra thư mục cha folder1 và thư mục con folder2 cùng lúc
<b>rm</b> <i>file</i>	xóa bỏ tập tin file trong thư mục hiện hành
<b>rmdir</b> <i>folder</i>	xóa bỏ thư mục trống mang tên folder
<b>rm -rf</b> <i>folder</i>	xóa bỏ thư mục mang tên folder với tất cả các tập tin trong thư mục
<b>ln -s</b> <i>file link</i>	tạo ra một liên kết mang tên link đến tập tin file (nói tắt)
<b>find</b> <i>folder -name file</i>	tìm tập tin mang tên file trong thư mục folder kể cả trong các thư mục con
<b>diff</b> <i>file1 file2</i>	so sánh nội dung của 2 tập tin hoặc của 2 thư mục

### 2. Xem và chỉnh sửa nội dung các tập tin văn bản:

<b>cat</b> <i>file</i>	xem nội dung của tập tin file trên màn hình ở dạng mã
------------------------	---

## ASCII

**more file** xem nội dung của tập tin file trên màn hình theo chế độ từng trang một : ấn phím « Enter » để xuống 1 dòng; ấn phím « Space » để sang thêm 1 trang ; ấn phím « q » để thoát.

**less file** « less » giống như « more », nhưng cho phép dùng phím [Page Down]

**head -n file** xem số n dòng đầu tiên của tập tin file

**tail -n file** xem số n dòng cuối cùng của file

**vi file** soạn tập tin file dùng trình soạn vi

**nano file** soạn tập tin file dùng trình soạn nano

**gedit file** soạn tập tin file dùng trình soạn gedit

**grep keyword file** tìm và hiển thị các dòng chứa từ keyword trong tập tin file

**grep -r string folder** tìm nội dung string trong tất cả các tập tin có trong thư mục folder

lệnh **> file** ghi kết quả của lệnh lệnh trong tập tin file

lệnh **>> file** bổ sung kết quả của lệnh lệnh ở phần cuối của tập tin file

### 3. Di chuyển, liệt kê tập tin và thư mục:

**pwd** hiển lên tên thư mục đang làm việc hiện hành

**cd** di chuyển sang thư mục « /home/người\_dùng »

**cd ~ /Desktop** di chuyển sang thư mục « /home/người\_dùng/Desktop »

**cd ..** di chuyển sang thư mục cha (ngay trên thư mục hiện hành)

**cd /usr/apt** di chuyển sang thư mục « /usr/apt »

**ls -l** folder liệt kê danh mục tập tin trong thư mục folder

**ls -a** liệt kê tất cả các tập tin, kể cả các tập tin ẩn (thường có tên bắt đầu bằng một dấu chấm)

<b>ls -d</b>	liệt kê tên các thư mục nằm trong thư mục hiện hành
<b>ls -t</b>	xếp lại các tập tin theo ngày đã tạo ra, bắt đầu bằng những tập tin mới nhất
<b>ls -S</b>	xếp lại các tập tin theo kích thước, từ to nhất đến nhỏ nhất
<b>ls -l   more</b>	liệt kê theo từng trang một, nhờ tiện ích « more »
<b>dir</b>	giống như lệnh ls dùng để liệt kê tập tin và thư mục

#### 4. Nén và giải nén tập tin và thư mục:

<b>tar xvf archive.tar</b>	giải phóng các tập tin có trong tập tin « archive.tar », đồng thời hiển thị các tên tập tin
<b>tar xvfz archive.tar.gz</b>	giải nén các tập tin có trong tập tin « archive.tar.gz » dùng « gzip » và « tar »
<b>tar jxvf archive.tar.bz2</b>	giải nén các tập tin có trong tập tin « archive.tar.bz2 » dùng « bzip » và « tar »
<b>tar cvf archive.tar file1 file2</b>	tạo ra một tập tin archive.tar chứa các tập tin file1, file2
<b>tar cvfz archive.tar.gz folder</b>	tạo một tập tin « archive.tar.gz » dùng « gzip » để chứa toàn bộ thư mục folder
<b>gzip file.txt</b>	tạo tập tin nén « file.txt » sang « file.txt.gz »
<b>gunzip file.txt.gz</b>	giải nén tập tin « file.txt.gz »
<b>bzip2 file.txt</b>	tạo tập tin nén « file.txt.bz2 »
<b>bunzip2 file.txt.bz2</b>	giải nén tập tin « file.txt.bz2 »

#### 5. Thiết lập quyền truy cập tập tin thư mục:

<b>chown username</b>	file xác định người chủ của tập tin file là người dùng mang tên « username »
<b>chown -R username folder</b>	xác định người chủ của thư mục folder, kể cả các thư mục con (-R) là người dùng « username »

<b>chgrp</b> <i>group file</i>	chuyển tập tin file thành sở hữu của nhóm người dùng mang tên group
<b>chmod u+x</b> <i>file</i>	giao (+) quyền thực thi (x) tập tin file cho người dùng (u)
<b>chmod g-w</b>	file loại bỏ (-) quyền ghi (w) file của nhóm (g)
<b>chmod o-r</b> <i>file</i>	loại bỏ (-) quyền đọc (r) tập tin file của những người dùng khác (o)
<b>chmod a+rw</b> <i>file</i>	giao (+) quyền đọc (r) và ghi (w) file cho mọi người (a)
<b>chmod -R a+rx</b> <i>folder</i>	giao (+) quyền đọc (r) và vào bên trong thư mục (x) folder, kể cả tất cả các thư mục con của nó (-R), cho tất cả mọi người (a)

## II. Các lệnh quản lí hệ thống:

### 1. Các lệnh quản lí cơ bản:

<b>sudo</b> <i>command</i>	thực hiện lệnh command với tư cách người siêu dùng (root)
<b>gksudo</b> <i>command</i>	giống với sudo nhưng dùng cho các ứng dụng đồ hoạ
<b>sudo -k</b>	chấm dứt chế độ dùng lệnh có chức năng của người siêu dùng
<b>uname -r</b>	cho biết phiên bản của nhân Linux
<b>shutdown -h now</b>	khởi động lại máy tính ngay lập tức
<b>lsusb</b>	liệt kê các thiết bị usb có mặt trong máy tính
<b>lspci</b>	liệt kê các thiết bị pci có trên máy tính
<b>time</b> <i>command</i>	cho biết thời gian cần thiết để thực hiện xong lệnh <i>command</i>
<b>command1   command2</b>	chuyển kết quả của lệnh command1 làm đầu vào của lệnh command2
<b>clear</b>	xoá màn hình của cửa sổ « Thiết bị cuối » (terminal)

## 2. Quản lí các gói phần mềm:

<b>/etc/apt/sources.list</b>	tập tin xác định nguồn các kho phần mềm để tải xuống nhằm cài mới hoặc cập nhật hệ thống
<b>apt-get update</b>	cập nhật danh sách các gói phần mềm căn cứ vào các kho phần mềm có trong tập tin sources.list
<b>apt-get upgrade</b>	cập nhật các gói phần mềm đã cài rồi
<b>apt-get dist-upgrade</b>	nâng cấp phiên bản Ubuntu đang có đến phiên bản mới tiếp theo
<b>apt-get install <i>soft</i></b>	cài phần mềm <i>soft</i> đồng thời giải quyết các gói phần mềm phụ thuộc
<b>apt-get remove <i>soft</i></b>	loại bỏ phần mềm <i>soft</i> cũng như tất cả các gói phần mềm trực thuộc
<b>apt-get remove --purge <i>soft</i></b>	loại bỏ phần mềm <i>soft</i> kể cả tập tin cấu hình của phần mềm <i>soft</i>
<b>apt-get autoclean</b>	xoá bỏ các bản sao chép của những gói phần mềm đã bị loại bỏ
<b>apt-cache dumpavail</b>	hiện thị danh sách các gói phần mềm đang có
<b>apt-cache search <i>soft</i></b>	cho biết danh sách các gói phần mềm có tên, hoặc có phần mô tả, chứa chuỗi <i>soft</i>
<b>apt-cache show <i>soft</i></b>	hiện thị phần mô tả của gói phần mềm <i>soft</i>
<b>apt-cache showpkg <i>soft</i></b>	hiện thị các thông tin của gói phần mềm <i>soft</i>
<b>apt-cache depends <i>soft</i></b>	liệt kê các gói phần mềm cần thiết cho gói phần mềm <i>soft</i>
<b>apt-cache rdepends <i>soft</i></b>	liệt kê các gói phần mềm cần đến gói phần mềm <i>soft</i>
<b>apt-file update</b>	cập nhật thông tin căn cứ vào danh sách nguồn phần mềm trong tập tin sources.list
<b>apt-file search <i>file</i></b>	xác định tập tin <i>file</i> thuộc gói phần mềm nào
<b>apt-file list <i>soft</i></b>	liệt kê các tập tin có trong gói phần mềm <i>soft</i>

**deborphan** liệt kê các gói phần mềm « mồ côì »

**alien -di paquet.rpm** chuyển phần mềm paquet.rpm thành gói phần mềm dạng Debian paquet.deb (-d) và thực hiện cài đặt luôn (-i)

**dpkg -i paquet.deb** cài đặt phần mềm paquet.deb (không giải quyết các gói phụ thuộc)

**dpkg -c paquet.deb** liệt kê nội dung của gói paquet.deb

**dpkg -l paquet.deb** hiển thị thông tin của gói paquet.deb

**Chú ý :** cần cài các gói phần mềm apt-file, alien và deborphan nếu muốn dùng chúng.

**3. Quản lí tiến trình:**

**ps -ef** hiển thị tất cả các tiến trình đã được thực hiện(pid et ppid)

**ps aux** hiển thị chi tiết các tiến trình

**ps aux | grep soft** hiển thị các tiến trình liên quan đến chương khởi động soft

**kill pid** báo chấm dứt tiến trình mang số pid

**kill -9 pid** yêu cầu hệ thống chấm dứt tiến trình pid

**xkill** chấm dứt một ứng dụng theo dạng đồ hoạ (ấn chuột vào cửa sổ của ứng dụng)

**4. Quản lí mạng**

**/etc/network/interfaces** thông tin cấu hình của các bộ phận giao diện (interfaces)

**uname -a** hiển thị tên của máy tính trong mạng (hostname)

**ping địa chỉ IP** thử nối mạng đến máy có địa chỉ IP

**ifconfig -a** hiển thị thông tin về tất cả các giao diện mạng đang có

**ifconfig eth0 địa chỉ IP** xác định địa chỉ IP cho giao diện các mạng eth0

